

火事(かじ)のとき、どうする？

What to do in case of a fire? / 发生火灾时该怎么办？ / Làm gì khi xảy ra hỏa hoạn?

1. 火事(かじ)を見(み)つけたとき

When finding a fire / 发现火灾的时候 / Khi phát hiện hỏa hoạn



大(おお)きい声(こえ)で知(し)らせる

Inform in a loud voice / 大声通知 / Báo cho mọi người bằng giọng nói lớn



消火器(しょうかき)で火(ひ)を消(け)す

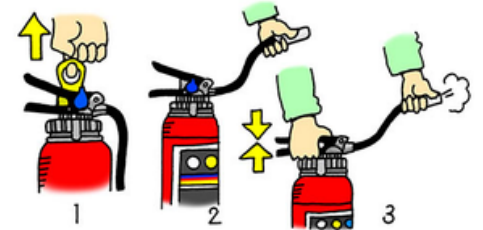
Extinguish the fire with a fire extinguisher / 用灭火器灭火 /

Dập tắt lửa bằng bình chữa cháy

2. 消火器(しょうかき)の使(つか)い方(かた)

How to use a fire extinguisher / 灭火器的使用方法 /

Cách sử dụng bình chữa cháy



① ピンを抜(ぬ)く Pull the pin / 拔掉安全栓 / Rút chốt

② ノズルを火(ひ)に向(む)ける Aim at fire / 对准火源 / Hướng vào lửa

③ レバーを握(にぎ)る Squeeze lever / 压下压把 / Bóp tay cầm



3. 119番(ばん)通報(つうほう)

Call 119 / 拨打119报警 / Gọi điện cho số 119



質問(しつもん) Question / 问题 / Câu hỏi

「火事(かじ)ですか？救急(きゅうきゅう)ですか？」

「Is it a fire or a medical emergency? / 火灾还是急救？ /

Hỏa hoạn hay cấp cứu?」



答(こた)え Answer / 答案 / Câu trả lời

「火事(かじ)です！」

「It's a fire / 是火灾 / Là hỏa hoạn」



場所(ばしょ) Location / 地点 / Địa điểm

「場所(ばしょ)は あわら市(し) (または坂井市(さかいし)) ○○です」

「The address is OO, Awara (or Sakai) City / 地址是芦原市 (或坂井市) ○○ / Địa chỉ là OO, thành phố Awara (hoặc Sakai)」



4. 逃(にげ)げるときは、避難口(ひなんぐち)を目指(めざ)す

Aim for the emergency exit when evacuating / 逃生时请朝紧急出口走 /

Khi sơ tán, hãy hướng về lối thoát hiểm



緑色(みどりいろ)のマークは避難口(ひなんぐち)

The green sign indicates the emergency exit / 绿色标志是紧急出口 /

Biển báo màu xanh lá là lối thoát hiểm



火事(かじ)や 地震(じしん)のときは、このマークの方(ほう)へ逃(に)げる

In case of fire or earthquake, evacuate towards this sign / 发生火灾或地震时，

请朝此标志方向逃生 / Khi có hỏa hoạn hoặc động đất, hãy chạy theo hướng biển báo này



火事(かじ)を防(ふせ)ぐ方法(ほうほう)！

How to prevent fires! / 予防火災的方法！ / Cách phòng chống cháy nổ!

1. コンロ・たばこ・電気(でんき)の火災(かさい)予防(よぼう)

Fire prevention for stoves, cigarettes, and electricity /

炉灶、香烟和用电的火灾预防 / Phòng chống cháy nổ do bếp, thuốc lá và điện



使用中(しょうちゅう)はコンロからはなれない

Do not leave the stove unattended while in use / 使用炉灶时请勿离开 /

Không rời khỏi bếp khi đang sử dụng



コンロの近(ちか)くに物(もの)をおかない

Do not place items near the stove / 请勿在炉灶附近放置物品 /

Không đặt đồ vật gần bếp



寝(ね)たばこはしない

Do not smoke in bed / 请勿卧床吸烟 / Không hút thuốc trên giường



吸(す)い殻(がら)は水(みず)につける

Soak cigarette butts in water / 将烟头浸泡在水中 /

Ngâm tàn thuốc lá vào nước



コンセントにたまったホコリは掃除(そうじ)する

Clean dust accumulated on electrical outlets / 清理插座上积聚的灰尘 /

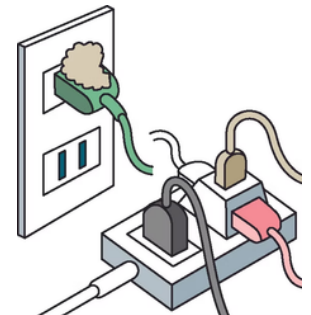
Lau dọn bụi bẩn tích tụ ở ổ cắm điện



たこ足配線(あしはいせん)はしない

Do not overload power outlets / 请勿过载使用插座 /

Không cắm quá nhiều thiết bị vào một ổ cắm



2. リチウムイオン電池(でんち)の注意(ちゅうい)

Precautions for lithium-ion batteries / 锂电池使用注意事项 /

Chú ý khi sử dụng pin lithium-ion



落(お)としたり、強(つよ)い衝撃(しょうげき)を与(あた)えない

Do not drop or subject to strong impacts / 请勿摔落或给予强烈撞击 /

Không làm rơi hoặc va đập mạnh



膨(ふく)らんだ電池(でんち)は使(つか)わない

Do not use swollen batteries / 请勿使用膨胀的电池 /

Không sử dụng pin bị phồng



純正品(じゅんせいひん)を使(つか)ってください

Use genuine batteries only / 请使用原装电池 /

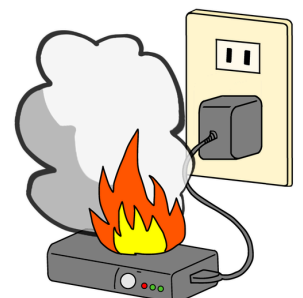
Chỉ sử dụng pin chính hãng



指定(してい)の充電器(じゅうでんき)を使(つか)ってください

Use the designated charger only / 请使用指定充电器 /

Chỉ sử dụng bộ sạc được chỉ định



【お問合せ (Contact Us / 联系我们 / Liên hệ)】

嶺北消防本部予防課 TEL : 0776-51-8435 mail : yobou@reihoku-fd.jp